

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4897/BHXH-BT*V/v lập danh sách tham gia BHYT theo hộ gia đình**Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2015***Kính gửi:** Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Công văn số 3170/BHXH-BT ngày 24/8/2015 và Kế hoạch số 3825/KH-BHXH ngày 06/10/2015 của Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam về lập danh sách hộ gia đình tham gia BHYT, qua tổng hợp báo cáo của BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (BHXH tỉnh), tính đến 02/12/2015 toàn quốc đã thực hiện thu về được trên 11,1 triệu danh sách DK01 đạt 47,3% tổng số hộ gia đình; đã bàn giao cho cơ quan Bưu điện trên 6,6 triệu danh sách DK01, đạt 59,9% so với số danh sách DK01 thu về; nhập dữ liệu vào phần mềm quản lý trên 1,58 triệu danh sách DK01, đạt 23,9% tổng số đã nhận bàn giao và đạt 6,77% so với tổng số hộ gia đình (*Biểu kết quả thực hiện việc lập danh sách hộ gia đình tham gia BHYT kèm theo*)

BHXH Việt Nam ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của BHXH các tỉnh đã triển khai kịp thời đúng tiến độ, biểu dương các địa phương đạt kết quả thu danh sách DK01 và nhập dữ liệu đạt tỷ lệ cao: Điện Biên (thu về đạt 91,3%, nhập đạt 84%), Quảng Bình (thu về đạt 91,9%, nhập đạt 91,5%), Vĩnh Phúc (thu về 99,4%, nhập đạt 81,4%), Cao Bằng (thu về 87,7%, nhập đạt 61,1%); một số địa phương thu danh sách DK01 đạt tỷ lệ cao: Hà Tĩnh (89,9%), Sơn La (96,4%), Yên Bái (91,4%)... Tuy nhiên, BHXH một số tỉnh triển khai chậm, kết quả đạt thấp như: Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, Bắc Giang, Bình Phước, Bình Thuận, Đắk Nông, Đồng Nai, Gia Lai, Ninh Thuận, Quảng Ninh... nguyên nhân tồn tại, hạn chế thuộc về cách thức tổ chức triển khai và phối hợp thực hiện của một số BHXH tỉnh, đó là:

- Triển khai tập huấn còn mang tính hình thức, việc phổ biến về mục đích, ý nghĩa cho cán bộ xã, phường, thôn, bản, tổ dân phố làm công tác lập danh sách DK01 chưa cụ thể, dẫn đến việc truyền đạt thông tin đến từng hộ gia đình chưa đầy đủ nên hộ gia đình chưa nắm được chủ trương của nhà nước về lập danh sách hộ gia đình tham gia BHYT để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia BHYT và chuẩn hóa thông tin cá nhân để cấp mã định danh.

- Chưa thường xuyên đôn đốc, theo dõi và phối hợp Ban Chỉ đạo cấp xã trong quá trình triển khai, dẫn đến thông tin khai báo vào danh sách DK01 không chính xác, thiếu thông tin, không đáp ứng được yêu cầu, phải thực hiện kê khai lại nhiều lần.

- Chưa thực hiện phối hợp chặt chẽ với cơ quan Bưu điện, từ khâu giao nhận danh sách DK01 đến việc hoàn thiện và nhập thông tin trong danh sách DK01 vào phần mềm quản lý, còn tình trạng chưa kịp thời bàn giao danh sách DK01 cho cơ quan Bưu điện, ảnh hưởng tiến độ và chất lượng thông tin nhập không đảm bảo.

Để tổ chức thực hiện lập danh sách hộ gia đình tham gia BHYT đảm bảo tiến độ và chất lượng, BHXH tỉnh tập trung triển khai một số công việc sau:

1. Việc lập Danh sách hộ gia đình tham gia BHYT (DK01) nhất thiết phải đầy đủ các tiêu chí, chính xác tất cả thông tin, do đó cần phải chỉ đạo BHXH huyện cử cán bộ phụ trách địa bàn, thường xuyên phối hợp chặt chẽ với cán bộ xã, phường, thôn, bản, tổ dân phố trong việc lập danh sách DK01, hỗ trợ UBND xã bổ sung số thẻ BHYT hiện cơ quan BHXH đang quản lý.

2. Việc nghiệm thu, bàn giao danh sách DK01 phải thực hiện đồng thời 03 bên (UBND cấp xã, cơ quan BHXH huyện và Bưu điện) cùng tiến hành kiểm tra, rà soát đầy đủ thông tin trên mẫu DK01; trường hợp thiếu thông tin hoặc thông tin không chính xác thì trả lại ngay cho cán bộ xã, phường, thôn, bản, tổ dân phố để bổ sung, hoàn thiện. Thực hiện nghiệm thu và bàn giao tối đa 3 ngày/lần.

3. BHXH tỉnh và Bưu điện tỉnh có văn bản thống nhất về phương thức, quy trình phối hợp rà soát, kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao danh sách DK01 cho cơ quan Bưu điện nhập vào phần mềm quản lý và hoàn thiện dữ liệu.

4. Định kỳ hàng tuần, BHXH tỉnh chỉ đạo BHXH huyện báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Yêu cầu giám đốc BHXH các tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc kịp thời báo cáo BHXH Việt Nam để xem xét, giải quyết./.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó TGD;
- Các Ban: BT, CSYT, TCKT, CNTT, TĐKT;
- Website BHXH Việt Nam;
- TCT Bưu điện Việt Nam;
- Lưu: VT, BT (02b).

Đỗ Văn Sinh

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC LẬP DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA BHYT

Tính đến ngày 2/12/2015

Stt	Tỉnh, Thành phố	Số huyện	Số hộ gia đình trên địa bàn	Số DK01 thu về			Số DK01 bàn giao cho Bưu điện			Số DK01 nhập vào phần mềm			Tỷ lệ hoàn thành
				Trong ngày	Lũy kế	Tỷ lệ %	Trong ngày	Lũy kế	Tỷ lệ %	Trong ngày	Lũy kế	Tỷ lệ %	
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5	6	7=6/3	8	9	10=9/6	12=9/1
1	Hà Nội	30	1,876,083	0	1,006,585	53.7%	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0.00%
2	TP Hồ Chí Minh	24	2,035,314	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0.00%
3	An Giang	11	525,733	4,353	358,062	68.1%	28,396	187,247	52.3%	6,217	73,655	39.3%	14.01%
4	Bà Rịa-V. Tàu	8	277,764	17,391	98,407	35.4%	15,038	45,681	46.4%	983	2,197	4.8%	0.79%
5	Bạc Liêu	7	200,149	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0.00%
6	Bắc Giang	10	437,508	31,896	84,020	19.2%	1,776	7,256	8.6%	392	210	2.9%	0.05%
7	Bắc Kạn	8	83,340	1,294	66,229	79.5%	1,294	66,229	100.0%	217	7,498	11.3%	9.00%
8	Bắc Ninh	8	310,535	17,524	134,915	43.4%	10,022	69,411	51.4%	25	14,225	20.5%	4.58%
9	Bến Tre	9	368,472	18,119	246,294	66.8%	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0.00%
10	Bình Dương	9	413,125	2,260	232,080	56.2%	5,631	146,638	63.2%	1,819	29,848	20.4%	7.22%
11	Bình Định	11	223,284	60,980	64,505	28.9%	28,546	38,049	59.0%	2,333	2,440	6.4%	1.09%
12	Bình Phước	11	230,754	6,406	35,526	15.4%	4,445	28,176	79.3%	1,080	5,539	19.7%	2.40%
13	Bình Thuận	10	290,215	2,657	57,097	19.7%	1,823	25,474	44.6%	1,553	8,223	32.3%	2.83%
14	Cà Mau	9	285,005	18,247	97,916	34.4%	20,467	83,381	85.2%	3,095	13,338	16.0%	4.68%
15	Cao Bằng	13	119,711	905	104,928	87.7%	2,577	102,461	97.6%	5,105	62,638	61.1%	52.32%
16	Cần Thơ	9	300,288	5,298	77,689	25.9%	7,569	73,266	94.3%	5,782	31,269	42.7%	10.41%
17	Đà Nẵng	7	219,887	1,738	153,850	70.0%	4,791	108,728	70.7%	0	0	0.0%	0.00%
18	Đắk Lắk	15	433,340	12,179	59,486	13.7%	13,324	50,412	84.7%	500	500	1.0%	0.12%
19	Đắk Nông	8	136,070	3,561	38,625	28.4%	3,453	35,790	92.7%	40	100	0.3%	0.07%
20	Điện Biên	10	115,689	518	105,679	91.3%	0	105,679	100.0%	3,045	88,785	84.0%	76.74%
21	Đồng Nai	11	707,728	10,019	75,767	10.7%	10,428	53,166	70.2%	3,128	8,782	16.5%	1.24%
22	Đồng Tháp	12	358,124	1,609	188,985	52.8%	3,828	158,416	83.8%	13,722	53,103	33.5%	14.83%
23	Gia Lai	17	350,350	0	34,906	10.0%	0	34,906	100.0%	0	13,906	39.8%	3.97%
24	Hà Giang	11	166,890	0	65,896	39.5%	0	39,396	59.8%	0	0	0.0%	0.00%
25	Hà Nam	6	264,730	3,658	145,314	54.9%	4,889	102,213	70.3%	5,743	33,616	32.9%	12.70%
26	Hà Tĩnh	13	362,756	623	326,010	89.9%	1,900	253,523	77.8%	4,104	19,382	7.6%	5.34%
27	Hải Dương	12	536,524	20,809	370,735	69.1%	30,293	318,893	86.0%	10,541	34,963	11.0%	6.52%
28	Hải Phòng	15	543,386	32,241	418,236	77.0%	6,358	88,355	21.1%	0	9,880	11.2%	1.82%

29	Hậu Giang	8	194,408	3,510	90,136	46.4%	3,519	85,591	95.0%	2,954	15,608	18.2%	8.03%
30	Hòa Bình	11	208,164	10,086	68,776	33.0%	10,086	68,776	100.0%	733	20,053	29.2%	9.63%
31	Hưng Yên	10	353,480	8,561	172,746	48.9%	11,883	77,939	45.1%	2,490	45,952	59.0%	13.00%
32	Khánh Hòa	8	284,399	51,368	91,591	32.2%	20,548	58,024	63.4%	0	0	0.0%	0.00%
33	Kiên Giang	15	444,040	109,787	179,706	40.5%	20,806	29,957	16.7%	4,599	6,045	20.2%	1.36%
34	Kon Tum	10	119,104	1,124	95,560	80.2%	0	25,378	26.6%	2,724	14,030	55.3%	11.78%
35	Lai Châu	8	89,017	2,080	76,186	85.6%	2,160	50,434	66.2%	3,587	15,536	30.8%	17.45%
36	Lạng Sơn	11	180,842	7,811	64,696	35.8%	2,585	18,062	27.9%	62	728	4.0%	0.40%
37	Lào Cai	9	141,071	1,614	74,136	52.6%	1,191	51,503	69.5%	334	2,780	5.4%	1.97%
38	Lâm Đồng	12	299,240	8,713	160,838	53.7%	2,717	24,372	15.2%	0	0	0.0%	0.00%
39	Long An	15	385,450	0	125,868	32.7%	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0.00%
40	Nam Định	10	575,157	29,265	116,341	20.2%	29,265	116,341	100.0%	0	0	0.0%	0.00%
41	Nghệ An	21	783,216	49,247	554,434	70.8%	52,284	466,078	84.1%	37,067	131,416	28.2%	16.78%
42	Ninh Bình	8	278,786	3,453	208,476	74.8%	27	146,989	70.5%	0	18,368	12.5%	6.59%
43	Ninh Thuận	7	126,424	17,847	26,100	20.6%	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0.00%
44	Phú Thọ	13	392,426	11,728	300,865	76.7%	22,426	284,183	94.5%	0	15,161	5.3%	3.86%
45	Phú Yên	9	252,609	4,748	172,072	68.1%	4,202	134,479	78.2%	2,284	22,688	16.9%	8.98%
46	Quảng Bình	8	221,750	1,293	203,806	91.9%	1,293	203,806	100.0%	7,799	186,390	91.5%	84.05%
47	Quảng Nam	18	396,577	3,609	162,378	40.9%	1,906	57,013	35.1%	262	5,993	10.5%	1.51%
48	Quảng Ngãi	14	346,702	12,961	143,101	41.3%	22,432	88,453	61.8%	3,474	9,998	11.3%	2.88%
49	Quảng Ninh	14	337,523	0	15,543	4.6%	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0.00%
50	Quảng Trị	9	162,681	7,507	49,225	30.3%	4,717	31,795	64.6%	0	15,878	49.9%	9.76%
51	Sóc Trăng	11	319,290	10,620	192,087	60.2%	7,240	86,787	45.2%	5,194	56,099	64.6%	17.57%
52	Sơn La	12	264,271	81	254,650	96.4%	3,347	240,880	94.6%	16,149	44,535	18.5%	16.85%
53	Tây Ninh	9	287,634	2,841	140,052	48.7%	10,341	118,209	84.4%	1,050	19,197	16.2%	6.67%
54	Thái Bình	8	599,895	18,440	463,895	77.3%	37,841	367,219	79.2%	200	1,200	0.3%	0.20%
55	Thái Nguyên	9	310,655	2,762	227,819	73.3%	7,453	75,473	33.1%	2,434	14,374	19.0%	4.63%
56	Thanh Hóa	27	936,107	31,067	769,680	82.2%	43,999	650,466	84.5%	20,006	115,288	17.7%	12.32%
57	T. Thiên - Huế	9	331,435	7,897	128,954	38.9%	23,529	50,357	39.1%	1,053	1,888	3.7%	0.57%
58	Tiền Giang	11	448,336	4,330	223,628	49.9%	7,219	62,500	27.9%	2,038	6,548	10.5%	1.46%
59	Trà Vinh	9	264,495	7,795	224,644	84.9%	12,711	194,485	86.6%	1,308	32,654	16.8%	12.35%
60	Tuyên Quang	7	198,981	9,551	159,023	79.9%	14,899	152,718	96.0%	11,986	16,338	10.7%	8.21%
61	Vĩnh Long	8	282,167	3,567	66,432	23.5%	1,480	34,675	52.2%	545	3,353	9.7%	1.19%
62	Vĩnh Phúc	9	266,197	264,640	264,640	99.4%	264,640	264,640	100.0%	11,934	215,489	81.4%	80.95%
63	Yên Bái	9	203,186	2,303	185,731	91.4%	17,307	108,013	58.2%	9,581	19,316	17.9%	9.51%
TỔNG CỘNG		710	23,458,469	986,491	11,101,557	47.3%	872,901	6,648,341	59.9%	221,271	1,587,000	23.9%	6.77%